

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Cường

Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H; cư trú tại thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Hải T; cư trú tại thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cụ Trần Thị N; ông Lê Văn T1; bà Lê Thị T2; cùng cư trú tại thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; cùng vắng mặt.

+ Chị Vũ Thanh D; cư trú tại thôn Văn Cú, xã An Đồng, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T đều đã từng có vợ, có chồng và cả hai đều có con riêng. Ngày 22 tháng 01 năm 1999, bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T đã kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại xóm K, xã A; đến khoảng tháng 6 năm 2002, chuyển đến cư trú tại thôn L, xã N. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2001 do ông Vũ Hải T thường chửi bới, xúc phạm vợ, con dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 10 năm 2020, bà Lê Thị H đã bỏ đi nơi khác, sống ly thân với ông Vũ Hải T; hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Lê Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Hải T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Vũ Đức L – sinh năm 1999, hiện đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Năm 2002, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà đã cùng các con về làm nhà nhờ trên một phần thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, xã N thuộc quyền quản lý, sử dụng bà Lê Thị T2 (là em dâu bà Lê Thị H; vợ của ông Lê Văn T1, em trai bà Lê Thị H) theo Giấy chứng nhận của UBND huyện A cấp ngày 20 tháng 4 năm 2001. Sau đó, ông Vũ Hải T có đến xin lỗi bà và gia đình bà nên vợ chồng đã cùng tiến hành xây dựng 01 ngôi nhà tường gạch chỉ 220, mái bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch hoa và 01 bán mái có diện tích khoảng 65m² nay thuộc thửa đất 259A, tờ bản đồ số 16, xã N (địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng). Năm 2011, bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 259A cho chị Vũ Thanh D (con gái riêng của bà Lê Thị H), chị Vũ Thanh D đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 158939 ngày 06 tháng 5 năm 2011 đứng tên chủ sử dụng đất là chị Vũ Thanh D. Nay bà Lê Thị H đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của bà và ông Vũ Hải T; giao cho bà được quản lý, sử dụng diện tích nhà, đất nêu trên và bà sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho chị Vũ Thanh D, thanh toán giá trị tài sản trên đất theo tỷ phần được chia của ông Vũ Hải T cho bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 01 năm 2022, ông Vũ Hải T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng như bà Lê Thị H đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra va chạm cãi chửi nhau; hiện tại vợ chồng không quan tâm,

trách nhiệm tới nhau. Nay bà Lê Thị H xin ly hôn, ông Vũ Hải T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Vũ Đức L – sinh năm 1999, hiện đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo dựng được 01 ngôi nhà tường gạch chỉ 220, mái bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch hoa có diện tích khoảng 65m² trên thửa đất 259A, tờ bản đồ số 16, xã N (địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng) hiện đứng tên chủ sử dụng đất là chị Vũ Thanh D. Nguồn gốc diện tích đất này do vợ chồng được cụ Trần Thị N cho vào năm 2000, khi cho không có viết giấy cho, không lập văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương mà chỉ nói miệng. Nay bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu chia diện tích nhà đất nêu trên, ông Vũ Hải T đồng ý để bà Lê Thị H được quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên và bà Lê Thị H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Vũ Hải T, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất mà vợ chồng đã được cụ Trần Thị N cho. Đối với số tiền đã cho anh Vũ Tiến D1 và chị Vũ Thanh D (là các con riêng của bà H), ông Vũ Hải T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi liên quan là chị Vũ Thanh D trình bày:

Chị Vũ Thanh D là con gái riêng của bà Lê Thị H. Năm 2011, chị Vũ Thanh D có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị T2 thửa đất 259A, tờ bản đồ số 16, xã N (địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng) có diện tích 65m². Việc chuyển nhượng thửa đất nêu trên đã được lập thành hợp đồng, được UBND xã N chứng thực; được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 158939 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00150 ngày 06 tháng 5 năm 2011 đứng tên chủ sử dụng đất Vũ Thanh D. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, trên đất có 01 ngôi nhà xây tường gạch chỉ do ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H quản lý, sử dụng. Việc ông T, bà H làm nhà trên thửa đất là do được ông T1, bà T2 cho mượn đất để làm nhà ở. Ông T và bà H biết việc chị Vũ Thanh D nhận chuyển nhượng đất của ông T1, bà T2 nhưng không có ý kiến gì phản đối. Số tiền dùng vào việc nhận chuyển nhượng đất là tiền của cá nhân chị Vũ Thanh D, không liên quan đến chồng là anh Phạm Văn C.

Nay bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung, chị Vũ Thanh D có quan điểm đề nghị Tòa án giao cho chị được quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên và chị có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản gắn liền với đất cho ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H theo quyết định của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 01 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Trần Thị N trình bày:

Cụ Trần Thị N có chồng là Lê Văn H1 (chết năm 1968, không để lại di chúc); vợ chồng cụ có sinh được 02 người con gồm Lê Thị H và Lê Văn T1. Thửa

đất số 259A, tờ bản đồ số 16, xã N (địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng) có nguồn gốc là của vợ chồng cụ. Năm 2001, bà Lê Thị T2 đã lập hồ sơ và được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất số 259 (bao gồm cả thửa số 259A). Năm 2002, bà Lê Thị T2, ông Lê Văn T1 và cụ Trần Thị N có đồng ý cho bà Lê Thị H mượn thửa đất số 259A để làm nhà với điều kiện khi nào cần sử dụng hoặc chuyển nhượng thì bà H phải trả lại. Do tại thời điểm đó, ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H sống ly thân nên sau khi ông Vũ Hải T về xin lỗi bà H thì vợ chồng cùng xây dựng nhà trên đất mượn của gia đình.

Năm 2011, ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị T2 đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho chị Vũ Thanh D và chị Vũ Thanh D đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Vũ Thanh D. Nay bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của bà H và ông T, cụ Trần Thị N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 6 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T1, bà Lê Thị T2 trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và việc cho bà Lê Thị H, ông Vũ Hải T mượn đất làm nhà như cụ Trần Thị N đã trình bày là đúng. Năm 2011, ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị T2 đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho chị Vũ Thanh D và đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Vũ Thanh D. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện. Nay bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng, ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị T2 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thanh D, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị T2 đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và cụ Trần Thị N vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 143, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 39, 166, 213, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự; căn cứ các điều 29, 33, 38, 51, 55, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ các điều 99, 100, 101, 166, 167, 168, 169 Luật đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T; về con chung: Con chung Vũ Đức L – sinh năm 1999 đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống; Về tài sản: Xác định tài sản chung của bà Lê Thị H, ông Vũ Hải T là tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 259A, tờ bản đồ

số 16, xã N (địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng) được chia cho bà Lê Thị H, ông Vũ Hải T theo quy định của pháp luật; quyền sử dụng đất của thửa đất số 259A, tờ bản đồ số 16, xã N không phải là tài sản chung của bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, ông Vũ Hải T có nơi cư trú thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Bà Lê Thị T2, ông Lê Văn T1 có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt; ông Vũ Hải T, cụ Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Hải T, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị T2 và cụ Trần Thị N.

[2] Về việc tham gia tố tụng của anh Phạm Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có đưa anh Phạm Văn C (chồng chị Vũ Thanh D) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan. Tuy nhiên, anh Phạm Văn C có quan điểm xác định diện tích đất có tranh chấp trong vụ án là tài sản riêng của chị Vũ Thanh D, anh Phạm Văn C không liên quan do vậy Hội đồng xét xử quyết định không đưa anh Phạm Văn C vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 22 tháng 01 năm 1999. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H đều thuận tình ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T có 01 con chung Vũ Đức L – sinh năm 1999, hiện đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống.

[3.3] Về tài sản: Căn cứ lời khai các bên đương sự, căn cứ kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án cho thấy: Tháng 5 năm 2001, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà Lê Thị H và các con đã về ở tại gia đình cụ Trần Thị N ở thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Năm 2002, sau khi vợ chồng quay lại chung sống cùng nhau, ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H đã tiến hành

xây dựng nhà trên thửa đất số 259A, tờ bản đồ số 16, xã N (địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng). Tại thời điểm ông Vũ Hải T, bà Lê Thị H làm nhà, thửa đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Lê Thị T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện A cấp ngày 20 tháng 4 năm 2001 cho chủ sử dụng đất là bà Lê Thị T2. Năm 2011, chị Vũ Thanh D đã nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên của bà Lê Thị T2, ông Lê Văn T1 và đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 158939 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00150 ngày 06 tháng 5 năm 2011 đứng tên chủ sử dụng đất Vũ Thanh D theo đúng quy định của pháp luật. Đây là tài sản riêng của chị Vũ Thanh D có được do nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, không liên quan đến anh Phạm Văn C. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, thửa đất có vị trí, kích thước cụ thể như sau:

- Phía đông giáp nhà ông Lê Văn T1 dài 4,2m
- Phía tây giáp đường trục thôn dài 4,3m
- Phía bắc giáp hộ ông Lê Văn M dài 14,6m
- Phía nam giáp hộ ông Lê Văn T1 dài 14,6m

Diện tích: 62,2m²

Trên đất 01 bán mái bán hàng tường gạch chỉ 110, mái tôn Proximang, nền láng xi măng; 01 ngôi nhà tường gạch chỉ 220, nền lát gạch men.

[3.3.1] Xét yêu cầu phân chia tài sản chung của nguyên đơn: Như phân tích ở mục [3.3], tại thời điểm ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H làm nhà thì thửa đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Lê Thị T2, không thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn, bị đơn. Việc ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H làm nhà trên đất chỉ được bà T2, ông T1 cho mượn; hoàn toàn không có tài liệu, chứng cứ thể hiện vợ chồng được cho, tặng thửa đất nêu trên do vậy không có cơ sở để xác định quyền sử dụng thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông T, bà H để chia theo quan điểm của ông Vũ Hải T.

[3.3.2] Bà Lê Thị H có quan điểm đề nghị Tòa án giao cho quản lý, sử dụng diện tích nhà đất nêu trên, tuy nhiên thửa đất nêu trên đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vũ Thanh D vì vậy để việc quản lý, sử dụng đất phù hợp với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần giao cho chị Vũ Thanh D quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên và chị Vũ Thanh D có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản gắn liền với đất cho ông Vũ Hải T và bà Lê Thị H theo kết quả định giá của Tòa án.

[3.3.3] Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự huyện A thì giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 259A là 12.000.000đồng/m²; giá trị tài sản gắn liền với đất là 275.446.001 đồng. Như vậy tài sản chung của ông Vũ Hải T, bà Lê Thị H được chia là 275.446.001đồng. Xét thấy công sức của các bên trong việc tạo lập nên khối tài sản chung là ngang nhau nhưng do ông Vũ Hải T là người có công quản lý tài sản nhiều hơn nên ông Vũ Hải T được hưởng 150.000.000đồng; phần còn lại 125.446.001 đồng bà Lê Thị H

được hưởng. Do vậy cần buộc chị Vũ Thanh D phải trả cho ông Vũ Hải T 150.000.000đồng, trả cho bà Lê Thị H 125.446.001đồng.

[3.3.4] Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, bị đơn đối với khoản tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, nếu chị Vũ Thanh D chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về việc thiếu hụt diện tích của thửa đất: Theo Giấy chứng nhận số BĐ 158939 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00150 ngày 06 tháng 5 năm 2011 thì thửa đất số 259A có diện tích 65m² nhưng diện tích thực tế chỉ còn 62,2m². Việc thiếu hụt là do có sự lấn chiếm của hộ liền kề. Tòa án đã có thông báo cho các bên đương sự về quyền yêu cầu khởi kiện đối với diện tích thiếu hụt này, tuy nhiên không có đương sự nào có yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị H tự nguyện chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 39, 166, 213, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 29, 33, 38, 51, 55, 56 và 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điều 99, 100, 101, 166, 167, 168, 169 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T.
2. Về con chung: Con chung Vũ Đức L – sinh năm 1999 đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống.
3. Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Giao cho chị Vũ Thanh D quản lý, sử dụng thửa đất số 259A, tờ bản đồ số 16, xã N (địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng) có vị trí, kích thước cụ thể như sau:

- Phía đông giáp nhà ông Lê Văn T1 dài 4,2m
- Phía tây giáp đường trục thôn dài 4,3m
- Phía bắc giáp hộ ông Lê Văn M dài 14,6m
- Phía nam giáp hộ ông Lê Văn T1 dài 14,6m

Diện tích: 62,2m²

Trên đất 01 bán mái bán hàng tường gạch chỉ 110, mái tôn Proximang, nền láng xi măng; 01 ngôi nhà tường gạch chỉ 220, nền lát gạch men.

Giá trị quyền sử dụng đất là 764.400.000đồng; giá trị tài sản gắn liền với đất là 275.446.001 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Vũ Thanh D được giao là 1.021.846.001 đồng.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Chị Vũ Thanh D có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Hải T 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng chẵn)

Chị Vũ Thanh D có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H 125.446.001đồng (một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm lẻ một đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, bị đơn đối với khoản tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, nếu chị Vũ Thanh D chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị H và ông Vũ Hải T.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A (ĐKKH số 06/1999);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch